

Bản án số: 83/2021/DS-PT

Ngày: 28-6-2021

V/v: “Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Ngọc Linh

Các Thẩm phán: - Ông Nguyễn Văn Thiện

- Bà Bùi Thị Nguyễn

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Trần Văn Dự- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Mỹ Duyên – Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 78/2021/TLPT-DS ngày 20 tháng 5 năm 2021 về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 08/2021/DS-ST ngày 04 tháng 2 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện C bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử Phúc thẩm số: 105/2021/QĐ-PT ngày 26 tháng 5 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 120/2021/QĐ-PT ngày 17/6/2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Hoàng Phi Y, sinh năm 1983; nơi cư trú: 206/261 ấp M, thị trấn M, huyện C, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Hoàng Phi Y: ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1983; địa chỉ: số 477A/24 Quận Cơ Thành, khóm B, phường B, thành phố L, tỉnh An Giang (Văn bản ủy quyền ngày 02/6/2021) - Có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Trần Hữu D, sinh năm 1980; nơi cư trú: ấp Long T, xã Long G, huyện C, tỉnh An Giang - Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Huỳnh Thị T, sinh năm 1979; nơi cư trú: ấp Long T, xã Long G, huyện C, tỉnh An Giang – Có mặt.

Người kháng cáo: bị đơn Trần Hữu D và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Huỳnh Thị T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn trình bày: Bà Nguyễn Thị Hoàng Phi Y và ông Trần Hữu D cùng công tác tại trường tiểu học “C” Long G nên quen biết nhau. Ngày 07/8/2019, ông D có nhờ bà Y vay tín chấp của Ngân hàng Bản Việt số tiền 100.000.000 đồng để cất nhà, thông qua việc dùng bảng lương của bà Y để vay tiền và trả góp hàng tháng. Cũng trong ngày 07/8/2019, ông D có làm tờ cam kết xác nhận nhờ bà Y vay tiền dùng và hàng tháng trả cho bà Y số tiền 2.471.900 đồng để bà Y trả tiền cho Ngân hàng. Sau khi vay, ông D có đưa tiền cho cho bà Y được 3 tháng với số tiền 7.415.700 đồng để trả cho Ngân hàng, còn lại số tiền 92.584.300 đồng thì ngưng không trả cho bà Y để bà trả nợ Ngân hàng.

Nay nguyên đơn yêu cầu ông Trần Hữu D cùng vợ là bà Huỳnh Thị T thanh toán cho bà Nguyễn Thị Hoàng Phi Y số tiền 92.584.300 đồng, rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 7.415.700 đồng mà ông D đã trả cho bà Y.

Chứng cứ khởi kiện là tờ cam kết trả nợ ngày 07/8/2019 do ông Trần Hữu D ký tên.

Bị đơn ông Trần Hữu D trình bày: Trước đây do ông với bà Y cùng công tác chung trường và có mối quan hệ tình cảm cho nên ông hoàn toàn tin tưởng bà Y. Từ đó, bà Y đã tự ý vay tiền của Ngân hàng Bản Việt mà ông không hay biết. Đến khi bà Y chuyển về trường tiểu học Quang Trung, xã Long Điền B thì bà Y cung cấp giấy cam kết trả nợ giữa ông và bà Y, nội dung theo giấy cam kết thì bà Y vay Ngân hàng Bản Việt số tiền 100.000.000 đồng cho ông mượn và ông có nghĩa vụ trả nợ bằng cách trừ vào lương hàng tháng của ông. Bà Y lợi dụng tình cảm tự làm giấy cam kết trả nợ để chung với nhiều loại giấy tờ rồi đưa ông ký. Ông thừa nhận chữ ký và chữ viết Trần Hữu D trong tờ cam kết ngày 07/8/2019 là do ông ký và viết ra, vì lúc ký bà Y đưa cho ông nhiều văn bản, nên ông không nhớ hết là ký những văn bản gì và những nội dung trong văn bản. Trong khi đó hàng tháng bà Y còn lấy tiền của ông với số tiền 1.933.000 đồng để trả cho Ngân hàng Bản Việt trong nhiều năm liền cho đến khi bà Y rời khỏi đơn vị từ tháng 11/2019.

Ông và bà Huỳnh Thị T hiện nay vẫn còn là vợ chồng.

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Y ông không đồng ý vì ông không vay tiền của bà Y.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị T trình bày: Bà và ông Trần Hữu D là vợ chồng, việc vay mượn giữa chồng bà với bà Y bà không biết, bà cũng không nghe chồng nói là có vay mượn gì của bà Y. Nay bà Y yêu cầu vợ chồng bà trả tiền bà không đồng ý vì vợ chồng bà không có vay mượn gì của bà Y.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2021/DS-ST ngày 04/02/2021 của Tòa án nhân dân huyện C đã quyết định:

- Căn cứ Điều 26, 35, 39, 147, 217, 227, 228, 244, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, 466, 357, 288 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hoàng Phi Y.

+ Buộc ông Trần Hữu D và bà Huỳnh Thị T có trách nhiệm liên đới thanh toán cho bà Nguyễn Thị Hoàng Phi Y số tiền là 92.584.300 đồng (Chín mươi hai triệu, năm trăm tám mươi bốn nghìn, ba trăm đồng).

+ Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Hoàng Phi Y đối với ông Trần Hữu D và bà Huỳnh Thị T số tiền 7.415.700 đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Ông Trần Hữu D và bà Huỳnh Thị T phải chịu 4.629.000 đồng (Bốn triệu, sáu trăm hai mươi chín nghìn) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

+ Bà Nguyễn Thị Hoàng Phi Y được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 2.500.000 đồng (Hai triệu, năm trăm nghìn) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009024 do Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh An Giang cấp ngày 15 tháng 10 năm 2020.

Ngày 18/02/2021, ông Trần Hữu D và bà Huỳnh Thị T kháng cáo đề nghị HĐXX phúc thẩm xem xét sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì ông, bà cho rằng hoàn toàn không vay tiền của nguyên đơn.

Tại phiên tòa người kháng cáo vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đồng thời bị đơn cho rằng theo tờ cam kết trả nợ hàng tháng nhưng cấp sơ thẩm buộc thanh toán một lần là không đúng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa phát biểu:

Việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm: Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa, Thư ký Tòa án và các Thẩm phán tham gia phiên tòa đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp phúc thẩm. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa phúc thẩm; Đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử, thành phần Hội đồng xét xử, sự có mặt của thành viên Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa; phạm vi xét xử phúc thẩm và thủ tục phiên tòa. Đương sự tại phiên tòa đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70,71,72,86,234 Bộ luật tố tụng dân sự.

Cấp sơ thẩm buộc bị đơn thanh toán cho nguyên đơn là có căn cứ. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông D, bà T không cung cấp chứng cứ mới nên không có cơ sở xem xét kháng cáo của ông bà.

Đề nghị HĐXX phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự. Không chấp nhận kháng cáo của ông Trần Hữu D, bà Huỳnh Thị T. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2021/DS-ST ngày 04/02/2021 của Tòa án nhân dân huyện C.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được tranh tụng tại phiên tòa, sau khi nghe lời phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bị đơn Trần Hữu D và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Huỳnh Thị T kháng cáo trong hạn luật định nên được Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Về thẩm quyền xét xử như nhận định của Tòa án cấp sơ thẩm là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung kháng cáo:

Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có nghĩa vụ thanh toán số tiền 100.000.000đồng. Tại phiên tòa sơ thẩm đại diện nguyên đơn đơn tự nguyện thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện (rút yêu cầu khởi kiện đối với số tiền đã thanh toán 7.415.700 đồng) nên Hội đồng xét xử sơ thẩm đình chỉ đối với phần thay đổi này là phù hợp với Điều 217 và Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền 92.584.300 đồng mà bị đơn đã nhờ nguyên đơn vay dùm Ngân hàng Bản Việt, chứng cứ khởi kiện là tờ cam kết trả nợ lập ngày 07/8/2019. Bị đơn trình bày không nhờ nguyên đơn vay tiền ngân hàng nhưng thừa nhận có ký vào tờ cam kết, tuy nhiên bị đơn cho rằng do quan hệ tình cảm nên khi nguyên đơn đưa ký nhiều văn bản, giấy tờ vì tin tưởng nên ông ký mà không biết nội dung ghi trong văn bản, từ đó bị đơn không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Hội đồng xét xử xét thấy lời trình bày của bị đơn là không có căn cứ. Bởi lẽ bị đơn là người có đầy đủ năng lực hành vi, lại là giáo viên đang trực tiếp giảng dạy nên hơn ai hết ông D nhận biết rõ hành vi của mình. Quá trình giải quyết tranh chấp bị đơn không cung cấp được chứng cứ thể hiện mình bị nhầm lẫn, ép buộc ký vào giấy nhận nợ. Do đó, cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ.

Ngoài ra ông Trần Hữu D cùng vợ bà Huỳnh Thị T là vợ chồng, hợp đồng vay xác lập trong thời kỳ hôn nhân còn tồn tại, đồng thời tại tờ cam kết trả nợ thì ông D có cam kết trừ vào lương hàng tháng của ông D để trả nợ vay, nên cấp sơ thẩm đã buộc vợ chồng ông D, bà T cùng có trách nhiệm liên đới trả nợ cho bà Y là có căn cứ.

Việc ông D cho rằng ông cam kết trả nợ hàng tháng nhưng cấp sơ thẩm buộc trả 1 lần là không đúng. HĐXX thấy rằng ông D đã vi phạm cam kết trả nợ hàng tháng nên nguyên đơn yêu cầu thanh toán trước thời hạn phù hợp với điều 428 Bộ luật dân sự nên cấp sơ thẩm buộc thanh toán theo yêu cầu nguyên đơn là có căn cứ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Trần Hữu D cùng vợ bà Huỳnh Thị T kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình. Do đó không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo mà cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Nhận định của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên người kháng cáo phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

+ Khoản 1 Điều 308; Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự;

+ Khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

P xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Trần Hữu D và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Huỳnh Thị T.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 08/2021/DS -ST ngày 04/02/2021 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh An Giang.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hoàng Phi Y.

+ Buộc ông Trần Hữu D và bà Huỳnh Thị T có trách nhiệm liên đới thanh toán cho bà Nguyễn Thị Hoàng Phi Y số tiền là 92.584.300 đồng (Chín mươi hai triệu, năm trăm tám mươi bốn nghìn, ba trăm đồng).

+ Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Hoàng Phi Y đối với ông Trần Hữu D và bà Huỳnh Thị T số tiền 7.415.700 đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Ông Trần Hữu D và bà Huỳnh Thị T phải chịu 4.629.000 đồng (Bốn triệu, sáu trăm hai mươi chín nghìn) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

+ Bà Nguyễn Thị Hoàng Phi Y được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 2.500.000 đồng (Hai triệu, năm trăm nghìn) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009024 do Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh An Giang cấp ngày 15 tháng 10 năm 2020.

2. Về án phí phúc thẩm: Ông Trần Hữu D và bà Huỳnh Thị T mỗi người phải chịu án phí phúc thẩm dân sự 300.000 đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo các biên lai thu số 0006081 và 0006080 cùng ngày 22/02/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh An Giang;
- Phòng KTNV và THA;
- TAND huyện C;
- THA huyện C;
- Văn phòng;
- Tòa dân sự;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hoàng Ngọc Linh

